TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN QUẢNG NINH** **TỈNH QUẢNG BÌNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 09-01-2019
V/v tranh chấp về hôn nhân

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẢNG NINH, TỈNH QUẢNG BÌNH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Mậu Đảo;
Các Hội thẩm nhân dân:
Ông Lê Văn Đặng;
Bà Ngô Thị Tân.

- ***Thư ký phiên toà*:** Bà Phan Thị Mỹ Trang, Thư ký Tòa án, Toà án nhân dân huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình.

Ngày 09 tháng 01 năm 2019, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 96/2018/TLST-HNGĐ, ngày 05 tháng 12 năm 2018 về tranh chấp hôn nhân theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2018/QĐXXST-HNGĐ, ngày 27 tháng 12 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lê Thị D, sinh năm 1969;
Địa chỉ: Số ZZZ/28/24 đường X, phường Y, quận B, thành phố Hồ Chí Minh; vắng mặt.

Bị đơn: Ông Tống Viết M, sinh năm 1969;
Địa chỉ: Tiểu khu C, thị trấn Q, huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong nội dung Đơn xin ly hôn, Bản tự khai, nguyên đơn – bà Lê Thị D trình bày: Bà (D) và ông Tống Viết M đã tự nguyện chung sống với nhau từ ngày 12-01-1986 nhưng không đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Vợ chồng sinh sống tại số nhà 152 B- tổ dân phố D, khu vực E, phường Đ, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên – Huế. Hai bên luôn xác định với nhau là vợ chồng. Năm 1992 thì vợ chồng ra làm ăn tại Quảng Bình, thuê nhà ở tại thôn B, phường P, thị xã Đ (nay là thành phố Đ). Vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 2002 thì phát sinh mâu thuẫn, cuối năm 2002, Bà vào Miền Nam làm ăn, 03 năm sau thì ra đón các con vào sống tại thành phố Hồ Chí Minh, vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay. Hai bên không còn liên lạc, quan tâm gì

đến nhau. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do hai bên có va chạm, lối sống không hợp nhau, mâu thuẫn ngày càng lớn. Vì vợ chồng không còn tình cảm với nhau nên Bà xin ly hôn. Tuy nhiên, do vợ chồng không đăng ký kết hôn nên việc giải quyết ly hôn do Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại Bản tự khai, bị đơn – ông Tống Viết M trình bày: Ông (M) và bà Lê Thị D đã tự nguyện chung sống với nhau thành vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn, về sống với nhau tại tổ D, khu vực E, phường Đ, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên – Huế từ ngày 12-01-1986 cho đến năm 1992, vợ chồng chuyển ra Quảng Bình làm ăn, sinh sống tại thôn B, phường P, thành phố Đ. Đến năm 2002 thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng thường cãi nhau, bất đồng quan điểm. Năm 2002, bà D bỏ vào Miền Nam sinh sống, 03 năm sau bà D đưa các con vào cùng. Vợ chồng sống ly thân từ năm 2002 cho đến nay, không còn quan tâm đến nhau. Vì vợ chồng không còn tình cảm nên bà D xin ly hôn thì Ông cũng nhất trí, do sống chung nhưng không đăng ký kết hôn nên việc giải quyết ly hôn do Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Bà Lê Thị D và ông Tống Viết M đều khai thống nhất có 03 con chung là Tống Viết Anh N, sinh ngày 23-6-1986; Tống Thị Phương N, sinh ngày 01-5-1990; Tống Viết An T, sinh ngày 27-4-1992. Các con đã trưởng thành, trên 18 tuổi, đủ khả năng lao động nên không yêu cầu cấp dưỡng cũng như việc nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà Lê Thị D và ông Tống Viết M thống nhất vợ chồng tự thỏa thuận phân chia, không có yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa:

Bị đơn – ông Tống Viết M trình bày ý kiến: Giữ nguyên ý kiến đã trình bày tại Tòa án trong các văn bản; quan hệ, tình cảm vợ chồng hai bên không còn, nay bà D muốn ly hôn, Ông hoàn toàn nhất trí, đồng ý giải quyết theo yêu cầu của bà D.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả hỏi, tranh luận công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án và thủ tục tố tụng:

- Đây là vụ án có tranh chấp về quan hệ hôn nhân và gia đình; bị đơn hiện đang làm ăn sinh sống, trú tại thị trấn Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Quảng Ninh theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Tòa án đã triệu tập hợp lệ, nguyên đơn - bà Lê Thị D vắng mặt tại phiên tòa lần thứ nhất nhưng đã có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên căn cứ

vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn.

[2] Về yêu cầu khởi kiện: Nguyên đơn – bà Lê Thị D xin ly hôn ông Tống Viết M. bà Lê Thị D và ông Tống Viết M chung sống với nhau như vợ chồng từ ngày 12-01-1986 đến nay, nhưng không đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Nay, bà D thấy không còn tình cảm theo nghĩa vợ chồng đối với ông M, không muốn sống chung cùng ông M nữa; ông M đồng ý giải quyết ly hôn theo yêu cầu của bà D. Xét thấy bà Lê Thị D và ông Tống Viết M không có đăng ký kết hôn; các bên đều thừa nhận, chính quyền địa phương nơi trước đây các đương sự sinh sống, cư trú bắt đầu chung sống, xác lập quan hệ vợ chồng (phường Đ, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên – Huế) xác nhận về việc này, các đương sự cũng không xuất trình tài liệu chứng cứ nào về việc kết hôn của họ. Các đương sự chung sống với nhau như vợ chồng khi chưa đủ tuổi kết hôn, đến ngày Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986 có hiệu lực thi hành (ngày 03-01-1987) nhưng một bên (ông M) vẫn chưa đủ tuổi kết hôn, chưa đủ điều kiện kết hôn theo quy định tại Điều 6 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 1959 nên không được coi là hôn nhân thực tế. Theo quy định tại khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình (hiện hành), không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Lê Thị D và ông Tống Viết M theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung; tài sản chung, quyền, nghĩa vụ về tài sản: Bà Lê Thị D và ông Tống Viết M đều không có yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[4] Về án phí: Bà Lê Thị D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Nghị quyết số 326/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố trụng dân sự.

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 14; khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Tuyên bố: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Lê Thị D và ông Tống Viết M.

2. Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Bà Lê Thị D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng, được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai số AA/2017/0004659 ngày 05-12-2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Q.

Đương sự có mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Chi cục THADS H.Q;
- VKSND huyện Quảng Ninh;
- UBND phường Đ, TP H;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Mậu Đảo

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**